

CHUYÊN ĐỀ

GIỚI THIỆU CÁC QUY ĐỊNH VỀ XỬ PHẠT VI PHẠM HÀNH CHÍNH TRONG LĨNH VỰC BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

Người trình bày: Ths. Nguyễn An Thủy

Đơn vị: Vụ Chính sách, Pháp chế và Thanh tra –

Tổng cục Môi trường, Bộ Tài nguyên và Môi trường

NỘI DUNG TRAO ĐỔI

1

- Một số điểm cần lưu ý về XPVPHC tại Luật Xử lý vi phạm hành chính sửa đổi năm 2020

2

- Những điểm mới về XPVPHC tại Nghị định số 45/2022/NĐ-CP

3

- Trao đổi, thảo luận

**PHẦN I:
NHỮNG ĐIỂM MỚI CẦN LƯU Ý VỀ
XPVPHC TẠI LUẬT XỬ LÝ VI PHẠM
HÀNH CHÍNH SỬA ĐỔI NĂM 2020**

Văn bản quy định chung về XPVPHC

- ▶ Luật Xử lý vi phạm hành chính năm 2012, được sửa đổi, bổ sung năm 2020 (có hiệu lực từ ngày 01/01/2022)
- ▶ Nghị định 118/2021/NĐ-CP ngày 23/12/2021 hướng dẫn Luật Xử lý vi phạm hành chính

Về thời hạn lập Biên bản vi phạm hành chính

- ▶ Trước đây, pháp luật về xử lý vi phạm hành chính chỉ quy định khi phát hiện vi phạm hành chính thì phải **kịp thời lập biên bản vi phạm hành chính**.
- ▶ Quy định tại khoản 2 Điều 12 Nghị định số 118/2021/NĐ-CP
 - Biên bản vi phạm hành chính được lập trong thời hạn **02 ngày làm việc**, kể từ khi phát hiện vi phạm hành chính.
 - Trường hợp vụ việc có nhiều tình tiết phức tạp hoặc có phạm vi rộng, ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của cá nhân, tổ chức, thì biên bản vi phạm hành chính được lập trong thời hạn **05 ngày làm việc**, kể từ khi phát hiện vi phạm hành chính.
 - Trường hợp vi phạm hành chính được phát hiện bằng phương tiện, thiết bị kỹ thuật nghiệp vụ hoặc phải giám định, kiểm định và xác minh tình tiết có liên quan thì biên bản vi phạm hành chính được lập trong thời hạn **03 ngày làm việc**, kể từ ngày xác định được đối tượng vi phạm bằng phương tiện, thiết bị kỹ thuật nghiệp vụ hoặc kể từ ngày nhận được kết quả giám định, kiểm định và xác minh tình tiết có liên quan.
 - Trường hợp một vụ việc có nhiều hành vi vi phạm hành chính khác nhau, trong đó có hành vi được phát hiện bằng phương tiện, thiết bị kỹ thuật nghiệp vụ hoặc phải giám định, kiểm định và xác minh tình tiết có liên quan, thì biên bản vi phạm hành chính được lập đối với các hành vi trong vụ việc đó trong thời hạn **03 ngày làm việc**, kể từ ngày xác định được đối tượng vi phạm bằng phương tiện, thiết bị kỹ thuật nghiệp vụ hoặc kể từ ngày nhận được kết quả giám định, kiểm định và xác minh tình tiết có liên quan.

Về địa điểm lập Biên bản vi phạm hành chính

- ▶ Địa điểm lập biên bản vi phạm hành chính được quy định tại khoản 2 Điều 58 Luật XLVPHC được sửa đổi, bổ sung năm 2020 quy định: “Biên bản vi phạm hành chính phải được **lập tại nơi xảy ra hành vi vi phạm hành chính**. Trường hợp biên bản vi phạm hành chính được lập tại trụ sở cơ quan của người có thẩm quyền lập biên bản hoặc địa điểm khác thì phải ghi rõ lý do vào biên bản”.
- ▶ Đối với trường hợp phát hiện vi phạm hành chính bằng phương tiện, thiết bị kỹ thuật nghiệp vụ, theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 12 Nghị định số 118/2021/NĐ-CP thì địa điểm lập biên bản vi phạm hành chính thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 58 Luật Xử lý vi phạm hành chính. Theo đó có thể được lập tại địa điểm khác; tuy nhiên vẫn phải ghi rõ lý do vào biên bản.

Về thời hạn ban hành Quyết định XPVPHC (Điều 66 Luật XLVPHC)

- ▶ **07 ngày làm việc**, kể từ ngày lập biên bản vi phạm hành chính đối với các vụ việc không có giải trình hoặc phải xác minh tình tiết vi phạm.
- ▶ **10 ngày làm việc** đối với vụ việc thuộc trường hợp phải chuyển hồ sơ đến người có thẩm quyền xử phạt thì thời hạn ra quyết định xử phạt.
- ▶ **01 tháng** đối với vụ việc có yêu cầu giải trình hoặc phải xác minh các tình tiết có liên quan quy định tại Điều 59 của Luật XLVPHC (Có hay không có vi phạm hành chính; Tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ; Tính chất, mức độ thiệt hại do VPHC gây ra; Trường hợp không ra quyết định xử phạt vi phạm hành chính theo quy định...)
- ▶ **02 tháng** đối với vụ việc thuộc trường hợp quy định có giải trình hoặc phải xác minh tình tiết mà đặc biệt nghiêm trọng, có nhiều tình tiết phức tạp, cần có thêm thời gian để xác minh, thu thập chứng cứ (*Trước đây, phải báo cáo thủ trưởng trực tiếp bằng văn bản để được gia hạn*).
- ▶ Người có thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính, cá nhân, tổ chức liên quan nếu **có lỗi trong việc để quá thời hạn** mà không ra quyết định xử phạt thì **bị xử lý theo quy định của pháp luật**.

Một số lưu ý khác

- ▶ Về việc chuyển hồ sơ xử phạt không thuộc thẩm quyền

Điểm a khoản 6 Điều 12 Nghị định số 118/2021/NĐ-CP: “Trường hợp vi phạm hành chính không thuộc thẩm quyền xử phạt của người lập biên bản, thì biên bản và các tài liệu khác phải được chuyển cho người có thẩm quyền xử phạt trong thời hạn **24 giờ**, kể từ khi lập biên bản”.

- ▶ Về mức phạt tiền khi áp dụng tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ

Tại khoản 1 Điều 9 Nghị định số 118/2021/NĐ-CP:

- Khi xác định mức phạt tiền đối với tổ chức, cá nhân vi phạm vừa có tình tiết tăng nặng, vừa có tình tiết giảm nhẹ, thì được giảm trừ tình tiết tăng nặng theo nguyên tắc một tình tiết giảm nhẹ được giảm trừ một tình tiết tăng nặng;
- Mức phạt tiền cụ thể đối với một hành vi vi phạm hành chính là mức trung bình của khung phạt tiền được quy định đối với hành vi đó. Trong trường hợp có từ 02 tình tiết giảm nhẹ trở lên, thì áp dụng mức tối thiểu của khung tiền phạt; nếu có từ 02 tình tiết tăng nặng trở lên, thì áp dụng mức tối đa của khung tiền phạt.

**PHẦN II:
NHỮNG ĐIỂM MỚI VỀ XỬ PHẠT VI
PHẠM HÀNH CHÍNH TẠI NGHỊ ĐỊNH
SỐ 45/2022/NĐ-CP NGÀY 07/7/2022 CỦA
CHÍNH PHỦ**

Giới thiệu về Nghị định số 45/2022/NĐ-CP ngày 07/7/2022

- ▶ Căn cứ xây dựng:
 - Phù hợp với Luật BVMT 2020 và Nghị định 08/2022/NĐ-CP và Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT
 - Phù hợp với Luật Xử lý vi phạm hành chính được sửa đổi, bổ sung năm 2020 và Nghị định số 181/2021/NĐ-CP
 - Đồng bộ với Bộ luật Hình sự số 100/2015/QH13
- ▶ Thời điểm có hiệu lực thi hành: 25/8/2022

Tổng quan chung về Nghị định

Bố cục của Nghị định

Nghị định gồm 04 chương, 78 điều, cụ thể như sau:

- ▶ **Chương I:** Những quy định chung (8 điều)
- ▶ **Chương II:** Hành vi vi phạm hành chính trong lĩnh vực bảo vệ môi trường, hình thức, mức xử phạt và biện pháp khắc phục hậu quả (47 điều)
- ▶ **Chương III:** Thẩm quyền, thủ tục xử phạt vi phạm hành chính (20 điều)
- ▶ **Chương IV:** Điều khoản thi hành (03 điều)

Nội dung quy định mới

- Vi phạm quy định về Giấy phép môi trường, đăng ký môi trường;
- Vi phạm các quy định về vận hành thử nghiệm công trình xử lý chất thải sau khi được cấp phép môi trường và vận hành công trình bảo vệ môi trường;
- Vi phạm quy định về trách nhiệm tái chế, thu gom, xử lý chất thải của tổ chức, cá nhân sản xuất, nhập khẩu;
- Vi phạm các quy định về bảo vệ môi trường trong quản lý các chất ô nhiễm khó phân hủy và nguyên liệu, nhiên liệu, vật liệu, sản phẩm, hàng hóa có chứa chất ô nhiễm khó phân hủy;
- Vi phạm dán nhãn và công bố thông tin có chứa chất ô nhiễm khó phân hủy;
- Vi phạm công bố thông tin quan trắc chất lượng môi trường, công khai thông tin môi trường, cung cấp, cập nhật thông tin, dữ liệu cho cơ sở dữ liệu môi trường
- Vi phạm đối với thực hiện quy định về bảo vệ môi trường di sản thiên nhiên;
- Vi phạm sử dụng dịch vụ hệ sinh thái tự nhiên;
- Vi phạm các quy định về giảm nhẹ phát thải khí nhà kính và bảo vệ tầng ô dôn;
- Vi phạm quy định về thực hiện quan trắc môi trường.

Các nội dung kế thừa Nghị định số 155/2016/NĐ-CP và Nghị định số 55/2021/NĐ-CP

- ▶ Vi phạm các quy định về xả nước thải, thải bụi, khí thải có chứa các thông số môi trường thông thường, thông số môi trường nguy hại vào môi trường;
- ▶ Vi phạm các quy định về tiếng ồn, độ rung;
- ▶ Vi phạm quy định về hoạt động quản lý nhà nước, thanh tra, kiểm tra, xử phạt vi phạm hành chính về bảo vệ môi trường.

Điểm mới về mức xử phạt, biện pháp xử phạt bổ sung và biện pháp khắc phục hậu quả

- ▶ Điều chỉnh mức xử phạt
- ▶ Bổ sung biện pháp xử phạt bổ sung phù hợp với Luật BVMT 2020
- ▶ Chỉ quy định biện pháp khắc phục hậu quả đối với các nhóm hành vi ra gây hậu quả và buộc phải sử dụng các biện pháp để khắc phục hậu quả đó.

Về mức xử phạt tại Nghị định số 45/2022/NĐ-CP

- ▶ Được điều chỉnh phù hợp với yêu cầu quản lý và thực tiễn
- ▶ Tăng mức xử phạt đối với nhóm hành vi cố tình xả trộm, xả lén, xả chất thải không qua xử lý ra ngoài môi trường, gây ô nhiễm môi trường như: xây lấp, lấp đặt thiết bị, đường ống hoặc các đường thải khác để xả chất thải không qua xử lý ra môi trường, không xây lấp công trình bảo vệ môi trường... đến mức tối đa (01 tỷ đồng đối với cá nhân; 02 tỷ đồng đối với tổ chức)
- ▶ Giảm mức phạt đối với các nhóm hành vi xảy ra nơi công cộng để phù hợp với thẩm quyền xử phạt của nhiều lực lượng tại địa phương như: chiến sỹ công an (phạt tối đa 500.000 đồng) hoặc trưởng công an cấp xã, trưởng đồn công an (phạt tối đa 2,5 triệu đồng).
- ▶ Hành vi vứt, thải, bỏ đầu, mẫu và tàn thuốc lá không đúng nơi quy định (mức phạt tiền từ 100.000 đồng đến 150.000 đồng) và hành vi vệ sinh cá nhân (tiểu tiện, đại tiện) không đúng nơi quy định tại khu chung cư, thương mại, dịch vụ hoặc nơi công cộng (mức phạt tiền từ 150.000 đồng đến 250.000 đồng) có thể áp dụng phạt tại chỗ không cần lập biên bản

Về biện pháp xử phạt bổ sung (Điều 4 NĐ45)

- ▶ Các biện pháp xử phạt bổ sung đã quy định tại Nghị định số 155/2016/NĐ-CP và Nghị định số 55/2021/NĐ-CP
- ▶ Bổ sung quy định biện pháp xử phạt bổ sung tước quyền sử dụng giấy phép môi trường đối với một số hành vi vi phạm nghiêm trọng, có nguy cơ gây ô nhiễm môi trường cao như: các vi phạm xây lắp, lắp đặt thiết bị, đường ống hoặc các đường thải khác để xả chất thải không qua xử lý ra môi trường; không xây lắp công trình bảo vệ môi trường theo quy định; các hành vi xả nước thải, khí thải vượt quy chuẩn kỹ thuật nhiều lần, nghiêm trọng đến mức bị đình chỉ; hành vi gây ô nhiễm đất, nước, không khí, gây ô nhiễm môi trường kéo dài; hành vi vi phạm quy định của cơ sở xử lý chất thải nguy hại đến mức bị đình chỉ hoạt động...
- ▶ Việc tước quyền sử dụng giấy phép môi trường đồng nghĩa với việc tổ chức, cá nhân đó không đủ điều kiện để hoạt động sản xuất, kinh doanh, dịch vụ.

Bổ sung cách tính số lợi bất hợp pháp (Điều 4 NĐ45)

- ▶ Biện pháp buộc nộp lại số lợi bất hợp pháp có được do hành vi vi phạm hành chính gây ra quy định tại Luật Xử lý vi phạm hành chính và đã được quy định tại Nghị định số 155/2016/NĐ-CP, tuy nhiên việc áp dụng chưa hiệu quả do chưa thống nhất cách xác định số lợi bất hợp pháp nêu trên.
- ▶ Điểm g khoản 3 Điều 4 Nghị định số 45/2022/NĐ-CP quy định cụ thể cách xác định số lợi bất hợp pháp
- ▶ Một số hành vi như: xây lắp công trình xử lý chất thải không đúng theo Giấy phép môi trường; không xây lắp công trình bảo vệ môi trường theo quy định; xây lắp, lắp đặt thiết bị, đường ống hoặc các đường thải khác để xả chất thải không qua xử lý ra môi trường; không vận hành thường xuyên hoặc vận hành không đúng quy trình đối với công trình xử lý chất thải theo quy định; không thực hiện chương trình giám sát môi trường định kỳ; thực hiện dịch vụ quan trắc môi trường mà không có Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động dịch vụ quan trắc môi trường theo quy định.

Bổ sung cách tính số lợi bất hợp pháp

- ▶ Cách tính đối với các hành vi làm phát sinh nước thải chưa qua xử lý ra ngoài môi trường: bằng tổng lưu lượng nước thải đã xả ra môi trường chưa qua xử lý xác định trong thời gian vi phạm tính theo m^3 (trường hợp không xác định được thì căn cứ kết luận thanh tra, kết quả kiểm toán, hồ sơ cấp GPMT hoặc GPMT thành phần, ĐTM) nhân với giá dịch vụ xử lý nước thải trên địa bàn tỉnh được UBND cấp tỉnh quyết định ban hành tính theo đồng/ m^3 (trong trường hợp UBND tỉnh không ban hành thì áp dụng giá dịch vụ xử lý nước thải của KCN có khoảng cách gần nhất so với tổ chức vi phạm).
- ▶ Cách tính đối với các hành vi làm phát sinh khí thải chưa qua xử lý ra ngoài môi trường: bằng lưu lượng khí thải tính theo m^3 /giờ (trường hợp không lắp đặt hệ thống xử lý khí thải, không vận hành hệ thống xử lý khí thải thì lưu lượng khí thải được xác định theo lưu lượng tối đa trong một giờ ghi trong các hồ sơ theo thứ tự ưu tiên: kết luận thanh tra, kết quả kiểm toán, hồ sơ cấp GPMT hoặc GPMT thành phần, ĐTM) nhân với thời gian vi phạm tính theo giờ và nhân với chi phí cho việc vận hành hệ thống xử lý khí thải trong một giờ gồm: điện, nước, nhân công, hóa chất và vật tư tiêu hao tính theo đồng/ m^3 .
- ▶ Đối với vi phạm hành chính quy định tại khoản 2, 3, 4 Điều 16; điểm a khoản 4, 5 Điều 17; khoản 4, 7 Điều 46 thì số lợi bất hợp pháp là toàn bộ số tiền mà tổ chức, cá nhân thu được khi thực hiện hành vi vi phạm.

Bổ sung quy định thời điểm để tính thời hiệu XPVPHC đối với từng hành vi (Điều 5 NĐ45)

- ▶ Điểm b khoản 1 Điều 6 Luật Xử lý vi phạm hành chính quy định thời điểm để tính thời hiệu xử phạt vi phạm hành chính như sau: đối với vi phạm hành chính đã kết thúc thì thời hiệu được tính từ thời điểm chấm dứt hành vi vi phạm; Đối với vi phạm hành chính đang được thực hiện thì thời hiệu được tính từ thời điểm phát hiện hành vi vi phạm.
- ▶ Nghị định 155/2016/NĐ-CP không quy định cụ thể thời hiệu xử phạt đối với từng hành vi.
- ▶ Nghị định số 55/2021/NĐ-CP đã quy định thời điểm xác định thời hiệu xử phạt đối với một số hành vi đang được thực hiện
- ▶ Nghị định số 45/2022/NĐ-CP bổ sung Điều 5 quy định về thời hiệu xử phạt vi phạm hành chính đối với từng hành vi vi phạm, trong đó quy định cụ thể nhóm hành vi kết thúc, hành vi đang thực hiện.

Bổ sung quy định về mức tiền và thẩm quyền xử phạt (Điều 6 NĐ45)

- Thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính của những người được quy định tại các điều từ Điều 56 đến Điều 67 của Nghị định này là thẩm quyền áp dụng đối với một hành vi vi phạm hành chính của cá nhân. Trong trường hợp phạt tiền, thẩm quyền xử phạt đối với tổ chức gấp 02 lần thẩm quyền xử phạt cá nhân.
- Trường hợp phạt tăng thêm đối với các thông số môi trường vượt quy chuẩn kỹ thuật của cồng mẫu chất thải, thẩm quyền xử phạt được tính theo hành vi vi phạm có mức phạt tiền cao nhất của mẫu chất thải đó bao gồm cả phạt tăng thêm.

Bổ sung quy định về việc sử dụng kết quả, dữ liệu thu được từ phương tiện, thiết bị kỹ thuật (Điều 8 NĐ45)

- ▶ Dẫn chiếu việc sử dụng phương tiện, thiết bị kỹ thuật nghiệp vụ và dữ liệu thu được từ phương tiện, thiết bị kỹ thuật do cá nhân, tổ chức cung cấp để phát hiện hành vi vi phạm theo quy định tại Nghị định số 135/2021/NĐ-CP
- ▶ Có thể sử dụng dữ liệu thu được từ phương tiện, thiết bị kỹ thuật do cá nhân, tổ chức cung cấp để “phạt nguội” theo quy định đối với các hành vi vi phạm nơi công cộng.

Thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính

- ✓ Chủ tịch Ủy ban nhân dân các cấp có thẩm quyền xử phạt đối với các hành vi vi phạm hành chính quy định tại Chương II Nghị định trong phạm vi quản lý của mình;
- ✓ Thanh tra chuyên ngành tài nguyên và môi trường có thẩm quyền xử phạt đối với các hành vi vi phạm hành chính quy định tại Chương II Nghị định;
- ✓ Công an nhân dân có thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính theo thẩm quyền, thuộc lĩnh vực và phạm vi quản lý của mình đối với các hành vi vi phạm hành chính quy định cụ thể tại điểm c khoản 1 Điều 68 Nghị định 45/2022/NĐ-CP;
- ✓ Đã bổ sung thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính cho một số lực lượng mới như: Kiểm ngư; cảng vụ hàng không; Cục quản lý môi trường y tế; thanh tra chuyên ngành công thương, thanh tra chuyên ngành văn hóa, thể thao và du lịch... nhằm tăng cường tối đa lực lượng tham gia vào việc kịp thời phát hiện, xử lý vi phạm hành chính trong lĩnh vực bảo vệ môi trường;

Chuyển hồ sơ vụ việc có dấu hiệu tội phạm về môi trường để truy cứu trách nhiệm hình sự (Điều 68 ND45)

- Việc chuyển hồ sơ vụ vi phạm có dấu hiệu tội phạm về môi trường đến cơ quan có thẩm quyền tiến hành tố tụng hình sự và chuyển hồ sơ vụ vi phạm để xử phạt vi phạm hành chính được thực hiện theo quy định của Điều 62 và Điều 63 Luật Xử lý vi phạm hành chính và Bộ luật Tố tụng hình sự;
- Đối với vụ vi phạm có dấu hiệu tội phạm về môi trường được phát hiện qua công tác thanh tra thì thực hiện theo quy định của pháp luật về thanh tra.

Thủ tục tước quyền sử dụng giấy phép, bị đình chỉ hoạt động hoặc bị buộc áp dụng biện pháp KPHQ (Điều 69)

- Quy định dẫn chiếu thủ tục tước quyền sử dụng giấy phép hoặc đình chỉ hoạt động thực hiện theo quy định tại Luật XLVPHC
- Đối với thủ tục tước quyền GPMT hoặc đình chỉ hoạt động mà có liên quan đến hoạt động SX, KD, DV gây ô nhiễm môi trường thì áp dụng theo khoản 2 Điều 69 NĐ45
- Bổ sung trách nhiệm của Ban Quản lý các khu kinh tế, khu công nghiệp, khu chế xuất, khu công nghệ cao đối với thủ tục tước quyền sử dụng giấy phép có thời hạn, bị đình chỉ hoạt động có thời hạn hoặc bị buộc áp dụng các biện pháp khắc phục hậu quả vi phạm đối với trường hợp tổ chức, cá nhân vi phạm nằm trong khu vực của ban quản lý các khu kinh tế, khu công nghiệp, khu chế xuất, khu công nghệ cao.

Kiểm tra, thanh tra và xác nhận đã khắc phục xong hậu quả vi phạm hành chính (Điều 70)

- Kế thừa theo quy định tại Nghị định số 155/2016/NĐ-CP và Nghị định số 55/2021/NĐ-CP
- Áp dụng đối với trường hợp tổ chức, cá nhân bị tước quyền sử dụng giấy phép môi trường, bị đình chỉ hoạt động hoặc bị buộc áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả vi phạm
- Quy định về thủ tục đối với 02 trường hợp người đã xử phạt thuộc cơ quan có thẩm quyền cấp giấy phép môi trường và trường hợp người đã xử phạt không thuộc cơ quan có thẩm quyền cấp giấy phép môi trường
- Trường hợp cơ sở được nhiều cơ quan có thẩm quyền cấp GPMT, cơ quan có thẩm quyền kiểm tra, thanh tra việc khắc phục hậu quả vi phạm về bảo vệ môi trường là cơ quan cấp trên đã cấp giấy phép môi trường. Trường hợp cần thiết, cơ quan cấp trên giao cho cơ quan cấp dưới kiểm tra, thanh tra việc khắc phục hậu quả vi phạm về bảo vệ môi trường.

Bổ sung thẩm quyền lập Biên bản vi phạm hành chính

- Thẩm quyền lập BBVPHC được quy định tại Luật Xử lý VPHC; Điều 71 Nghị định số 45/2022/NĐ-CP
- Bổ sung các chức danh có thẩm quyền lập biên bản vi phạm hành chính trong lĩnh vực bảo vệ môi trường bao gồm:
 - Công chức, viên chức đang thi hành nhiệm vụ bảo vệ môi trường của cơ quan được giao thực hiện chức năng thanh tra chuyên ngành về bảo vệ môi trường, cơ quan được giao chức năng kiểm tra việc chấp hành pháp luật về bảo vệ môi trường thuộc Bộ Tài nguyên và Môi trường;
 - Nhân viên trật tự công cộng đang thi hành nhiệm vụ liên quan đến bảo vệ môi trường tại các khu đô thị, khu chung cư, thương mại, dịch vụ hoặc nơi công cộng

Các hành vi vi phạm hành chính tại Chương II Nghị định 45/2022/NĐ-CP

Vi phạm quy định về thực hiện đăng ký môi trường (Điều 9 NĐ45)

- ▶ Đã quy định hành vi không thực hiện, thực hiện không đúng, không đầy đủ cam kết hoặc phương án thu gom, quản lý, xử lý chất thải trong đăng ký môi trường; không đăng ký môi trường lại... cho 03 nhóm đối tượng gồm: (1) Dự án, cơ sở **không** thuộc đối tượng phải lập ĐTM; (2) Dự án, cơ sở phải lập ĐTM thuộc thẩm quyền phê duyệt của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh (3) Dự án, cơ sở phải lập ĐTM thuộc thẩm quyền phê duyệt của Bộ Tài nguyên và Môi trường.
- ▶ Mức phạt tiền đối với các hành vi thuộc nhóm (1) từ cảnh cáo đến 5 triệu đồng
- ▶ Mức phạt tiền đối với các hành vi thuộc nhóm (2) từ 5 triệu đến 15 triệu
- ▶ Mức phạt tiền đối với các hành vi thuộc nhóm (3) từ 15 triệu đến 30 triệu

Về quy định xử phạt vi phạm hành chính về đánh giá tác động môi trường (Điều 10)

Đã cập nhật, bổ sung các quy định mới liên quan đến ĐTM tại Luật Bảo vệ môi trường 2020; phân mức xử lý theo 02 nhóm đối tượng:

- ▶ Thuộc thẩm quyền phê duyệt kết quả thẩm định ĐTM của UBND tỉnh hoặc thuộc thẩm quyền phê duyệt của **Bộ Quốc phòng, Bộ Công an** đối với **dự án có tiêu chí về môi trường tương đương** với dự án thuộc **thẩm quyền phê duyệt của UBND cấp tỉnh**;
- ▶ Thuộc thẩm quyền phê duyệt của Bộ Tài nguyên và Môi trường hoặc thuộc thẩm quyền phê duyệt của **Bộ Quốc phòng, Bộ Công an** đối với **dự án có tiêu chí về môi trường tương đương** với dự án thuộc **thẩm quyền phê duyệt của Bộ Tài nguyên và Môi trường**.

Về quy định xử phạt vi phạm hành chính về đánh giá tác động môi trường (Điều 10)

Một số hành vi mới được bổ sung theo quy định của Luật 2020:

- ▶ Không công khai báo cáo đánh giá tác động môi trường (Mức phạt tại điểm b khoản 1 là 15-20 triệu; điểm b khoản 2 là 20-30 triệu);
- ▶ Không điều chỉnh, bổ sung nội dung của dự án đầu tư và báo cáo ĐTM cho phù hợp với nội dung, yêu cầu về bảo vệ môi trường được nêu trong quyết định phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo ĐTM (tại điểm c khoản 1 là 20-30 triệu; điểm c khoản 2 là 30-40 triệu);
- ▶ Không báo cáo cơ quan nhà nước có thẩm quyền theo quy định để được xem xét, chấp thuận trong quá trình cấp GPMT đối với dự án đầu tư thuộc đối tượng phải có GPMT trong trường hợp có thay đổi theo quy định tại điểm b khoản 4 Điều 37 Luật BVMT (tại điểm e khoản 1 là 50-60 triệu; điểm e khoản 2 là 60-80 triệu).
- ▶ Vi phạm các quy định về xử lý chất thải trong giai đoạn thi công, triển khai xây dựng dự án có phát sinh chất thải, tiếng ồn, độ rung, ánh sáng, bức xạ nhiệt (tại điểm g khoản 1 là 60-80 triệu; điểm g khoản 2 là 80-100 triệu).
- ▶ Quy định rõ biện pháp xử phạt bổ sung đình chỉ hoạt động thi công, xây dựng có phát sinh chất thải để tránh trường hợp đình chỉ toàn bộ hoạt động của cơ sở không liên quan đến dự án vi phạm.

Về vi phạm quy định về Giấy phép môi trường (Điều 11)

Đã cập nhật, bổ sung các quy định mới liên quan đến GPMT tại Luật Bảo vệ môi trường 2020; phân mức xử lý theo 03 nhóm đối tượng:

- ▶ Thuộc thẩm quyền cấp phép của UBND cấp huyện hoặc thuộc thẩm quyền cấp phép của Bộ Quốc phòng, Bộ Công an mà đối tượng tương đương thuộc thẩm quyền cấp phép của UBND cấp huyện;
- ▶ Thuộc thẩm quyền cấp phép của UBND cấp tỉnh hoặc thuộc thẩm quyền cấp phép của Bộ Quốc phòng, Bộ Công an mà đối tượng tương đương thuộc thẩm quyền cấp phép của UBND cấp tỉnh;
- ▶ Thuộc thẩm quyền cấp phép của Bộ Tài nguyên và Môi trường hoặc thuộc thẩm quyền cấp phép của Bộ Quốc phòng, Bộ Công an mà đối tượng tương đương thuộc thẩm quyền cấp phép của Bộ Tài nguyên và Môi trường.

Về vi phạm quy định về Giấy phép môi trường (Điều 11)

Bổ sung đầy đủ hành theo Luật BVMT, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP, như:

- ▶ Không báo cáo cơ quan cấp giấy phép để được xem xét, giải quyết trong trường hợp có thay đổi so với nội dung giấy phép đã được cấp theo quy định; nộp hồ sơ đề nghị cấp GPMT không đúng thời hạn quy định; (khung phạt từ 5-10 triệu; 10-15 triệu; 15-20 triệu theo nhóm đối tượng)
- ▶ Không công khai giấy phép môi trường (khung phạt từ 10-15 triệu; 15-20 triệu; 20-30 triệu theo nhóm đối tượng);
- ▶ Cung cấp không chính xác, không trung thực thông tin về kết quả hoàn thành các công trình, biện pháp BVMT trong báo cáo đề xuất cấp GPMT; (khung phạt từ 25-30 triệu; 100-150 triệu; 150-200 triệu);
- ▶ Không vận hành hoặc vận hành không thường xuyên hoặc vận hành không đúng quy trình đối với công trình xử lý chất thải; xây lắp công trình xử lý chất thải không đúng theo GPMT (khung phạt từ 35-40 triệu; 170-200 triệu; 220-250 triệu);
- ▶ Xây lắp, lắp đặt thiết bị, đường ống hoặc các đường thải khác để xả chất thải không qua xử lý ra môi trường; không xây lắp công trình BVMT theo quy định (khung phạt từ 40-50 triệu; 400-500 triệu; 800-01 tỷ)

Về vi phạm quy định vận hành thử nghiệm (Điều 12)

- ▶ Tương tự Điều 11, chia các đối tượng thành 03 nhóm theo thẩm quyền cấp giấy phép môi trường để áp dụng mức xử phạt phù hợp
- ▶ Một số hành vi quy định mới: không thông báo kế hoạch vận hành thử nghiệm; không phối hợp với cơ quan chuyên môn về bảo vệ môi trường cấp tỉnh để được kiểm tra, giám sát trong quá trình vận hành thử nghiệm; vận hành thử nghiệm các công trình xử lý chất thải quá thời gian theo quy định; không thực hiện, thực hiện không đúng, không đầy đủ chương trình quan trắc chất thải trong quá trình vận hành thử nghiệm theo quy định; không lập, không gửi báo cáo kết quả vận hành thử nghiệm...
- ▶ Mức phạt thấp nhất ở Điều này là 10 triệu; cao nhất là 120 triệu
- ▶ Quy định biện pháp xử phạt bổ sung đình chỉ hoạt động vận hành có liên quan đến công trình vận hành thử nghiệm của cơ sở để tránh đình chỉ toàn bộ hoạt động của cơ sở, trong đó có hạng mục không liên quan đến công trình đang vận hành

Vi phạm quy định về BVMT tại cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ tập trung, cụm công nghiệp, làng nghề (Điều 15)

- ▶ Quy định xử phạt cụ thể đối với các nhóm đối tượng: chủ đầu tư Cụm công nghiệp, khu công nghiệp, cơ sở đầu tư thứ cấp trong khu, cụm công nghiệp
- ▶ Đã bổ sung các quy định mới như: Không có công trình, thiết bị xử lý nước thải, khí thải tại chỗ đáp ứng yêu cầu BVMT theo quy định đối với cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ quy mô hộ gia đình, cá nhân có phát sinh nước thải, khí thải; không ban hành quy chế bảo vệ môi trường KCN, CCN theo quy định; không kiến nghị cơ quan có thẩm quyền xử lý trong trường hợp phát hiện vi phạm pháp luật về bảo vệ môi trường của tổ chức, cá nhân; tiếp nhận dự án mới hoặc nâng công suất dự án đang hoạt động có phát sinh nước thải trong khu sản xuất, kinh doanh, dịch vụ tập trung khi không có hạ tầng bảo vệ môi trường hoặc hạ tầng bảo vệ môi trường không đáp ứng theo quy định hoặc không phù hợp với khả năng tiếp nhận, xử lý nước thải của hệ thống xử lý nước thải tập trung theo quy định.
- ▶ Không quy định phạt xả nước thải vượt tiêu chuẩn đầu nối KCN với các cơ sở thứ cấp đã đầu nối vào hệ thống xử lý nước thải tập trung

Vi phạm quy định về quan trắc, giám sát môi trường (Điều 16)

- ▶ Quy định riêng 01 khoản về thực hiện quan trắc tự động, liên tục đối với nước thải, bụi, khí thải công nghiệp
- ▶ Đã bổ sung các quy định mới như: không lắp đặt camera theo dõi; không có thiết bị lấy mẫu tự động đối với nước thải; không lưu giữ số liệu quan trắc nước thải, khí thải theo quy định hoặc không kết nối, truyền số liệu quan trắc về cơ quan có thẩm quyền theo quy định; không đảm bảo tính bảo mật, toàn vẹn của dữ liệu quan trắc tự động, liên tục; can thiệp, điều chỉnh kết quả quan trắc tự động, liên tục trước khi truyền dữ liệu về cơ quan tiếp nhận theo quy định...
- ▶ Bổ sung thêm 01 khoản quy định hành vi vi phạm về thực hiện quan trắc tự động, liên tục chất lượng nước, chất lượng không khí xung quanh và sử dụng kết quả quan trắc tự động để cung cấp, công bố thông tin cho cộng đồng.
- ▶ Quy định biện pháp khắc phục hậu quả: Buộc nộp lại số lợi bất hợp pháp có được do hành vi hành chính không thực hiện chương trình quan trắc chất thải trong quá trình vận hành dự án đầu tư

Vi phạm quy định về hoạt động dịch vụ quan trắc môi trường (Điều 17)

Đã bổ sung các hành vi mới như:

- ▶ Cung cấp kết quả quan trắc, thử nghiệm đối với các thông số không có trong Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động dịch vụ quan trắc môi trường theo quy định;
- ▶ Không lưu trữ đầy đủ dữ liệu quan trắc gốc đối với toàn bộ hoạt động dịch vụ quan trắc theo quy định;
- ▶ Thực hiện kỹ thuật quan trắc không đúng theo quy định kỹ thuật quan trắc môi trường;
- ▶ Phiếu trả kết quả quan trắc không đánh số thứ tự, ký hiệu, không đủ thông tin theo quy định.
- ▶ Bổ sung biện pháp khắc phục hậu quả: Buộc nộp lại số lợi bất hợp pháp có được do hành vi hành chính quy định tại điểm a khoản 4, khoản 5 Điều này.

Vi phạm quy định về BVMT nơi công cộng, khu đô thị, khu dân cư (Điều 25)

- ▶ Đã tổng hợp các vi phạm quy định diễn ra nơi công cộng để dễ tra cứu, xử lý
- ▶ Bổ sung hành vi phạt khi thải bỏ chất thải nhựa phát sinh từ sinh hoạt vào ao hồ, kênh rạch, sông, suối, biển (phạt tiền 1-2triệu)
- ▶ Phạt từ 200-250 triệu đối với chủ đầu tư xây dựng khu đô thị, khu dân cư tập trung một số hành vi như: Không có hệ thống thu gom, xử lý nước thải đồng bộ, phù hợp với quy hoạch đã được phê duyệt; Không có thiết bị, phương tiện, địa điểm để phân loại tại nguồn, thu gom, lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt phù hợp với lượng, loại chất thải phát sinh từ hộ gia đình, cá nhân trong khu dân cư tập trung...

Vi phạm các quy định về quản lý chất thải

- ▶ Tại khoản 1 Điều 26 Nghị định đã quy định xử phạt từ 500.000 đồng đến 01 triệu đồng đối với hành vi hộ gia đình, cá nhân không phân loại CTRSH theo quy định; không sử dụng bao bì chứa CTRSH theo quy định. Tuy nhiên, tại khoản 2 Điều 75, khoản 6 Điều 79 Luật BVMT, UBND cấp tỉnh có trách nhiệm quy định chi tiết về quản lý CTRSH của hộ gia đình, cá nhân trên địa bàn, thời hạn thực hiện phân loại CTRSH tại nguồn chậm nhất trước ngày 31/12/2024. Do đó, chưa áp dụng ngay xử phạt ngay tại thời Nghị định 45/2022/NĐ-CP có hiệu lực thi hành.
- ▶ Đã cập nhật, bổ sung đầy đủ các chế tài đối với trách nhiệm thu gom, vận chuyển, xử lý CTRSH của chủ đầu tư dự án, chủ sở hữu, BQL khu đô thị mới, chung cư cao tầng, tòa nhà văn phòng; cơ quan, tổ chức, cơ sở SX, KD, DV, chủ đầu tư xây dựng và kinh doanh hạ tầng khu sản xuất, kinh doanh, dịch vụ tập trung, cụm công nghiệp có phát sinh CTRSH; chủ cơ sở hoạt động thu gom, vận chuyển, xử lý CTRSH
- ▶ Về quy định xử phạt vi phạm hành chính về chất thải rắn công nghiệp thông thường; vi phạm các quy định về bảo vệ môi trường đối với chủ nguồn thải chất thải nguy hại; hoạt động vận chuyển, xử lý chất thải nguy hại... đã được cập nhật, bổ sung đầy đủ theo quy định pháp luật hiện hành, trong đó có bổ sung hành vi mua, tiếp nhận chất thải công nghiệp thông thường, chất thải nguy hại mà không có biện pháp xử lý hoặc không có chức năng xử lý theo quy định... để xử lý đối với các trường hợp phát sinh trong thực tế mà chưa có chế tài.
- ▶ Bổ sung Điều 27 vi phạm quy định về đưa chất thải vào Việt Nam với khối lượng dưới mức xử lý hình sự để đồng bộ với Bộ Luật hình sự.

Vi phạm hành chính về BVMT trong hoạt động nhập khẩu phế liệu

- ▶ Đã bổ sung, làm rõ hành vi chuyển giao phế liệu nhập khẩu làm nguyên liệu sản xuất trong đó đã chia các mức tiền phạt theo khối lượng, chủng loại phế liệu vi phạm (sắt, thép, giấy, nhựa) để đảm bảo công bằng và áp dụng xử lý hiệu quả trong thực tiễn;
- ▶ Đã bổ sung quy định xử phạt vi phạm đối với tổ chức giám định chất lượng phế liệu nhập khẩu thì áp dụng theo Nghị định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực tiêu chuẩn, đo lường và chất lượng sản phẩm hàng hóa để xử lý đối với các tổ chức có vi phạm về kết quả giám định, phân tích chất lượng các lô hàng phế liệu nhập khẩu.

Một số hành vi khác

- ▶ Phạt tiền từ 2,5-3 triệu hành vi đốt ngoài trời phụ phẩm từ cây trồng cạnh khu vực dân cư, sân bay, các tuyến đường giao thông chính
- ▶ Phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 15.000.000 đồng đối với hành vi vi phạm không công khai thông tin, dữ liệu về môi trường trong hoạt động sản xuất, kinh doanh, dịch vụ theo quy định;
- ▶ Phạt tiền từ 15.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng đối với hành vi không công khai kết quả quan trắc chất thải của dự án đầu tư, cơ sở, khu sản xuất, kinh doanh, dịch vụ tập trung, cụm công nghiệp theo quy định của pháp luật;
- ▶ Phạt tiền từ 15.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng đối với hành vi không cung cấp thông tin, dữ liệu về môi trường trong hoạt động sản xuất, kinh doanh, dịch vụ theo quy định

Một số hành vi khác

- ▶ Phạt tiền từ 60.000.000 đồng đến 80.000.000 đồng đối với các hành vi chỉnh sửa làm sai khác thông tin dữ liệu, tẩy xóa dữ liệu, thông tin về môi trường, kết quả quan trắc môi trường;
- ▶ Phạt tiền từ 100.000.000 đồng đến 150.000.000 đồng đối với hành vi gian dối khi cung cấp thông tin môi trường trong trường hợp phải công khai thông tin cho cộng đồng theo quy định.
- ▶ Phạt tiền từ 100.000.000 đồng đến 150.000.000 đồng đối với hành vi cung cấp dữ liệu, thông tin về môi trường, kết quả quan trắc môi trường không trung thực cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền theo quy định; báo cáo số liệu kết quả quan trắc nước thải, khí thải, chất thải khác không đúng với thực tế ô nhiễm của dự án, cơ sở, khu sản xuất, kinh doanh, dịch vụ tập trung, cụm công nghiệp.

Một số hành vi khác

- ▶ Về quy định xử phạt vi phạm hành chính về bảo vệ môi trường trong quản lý các chất ô nhiễm khó phân hủy và nguyên liệu, nhiên liệu, vật liệu, sản phẩm, hàng hóa có chứa chất ô nhiễm khó phân hủy;
- ▶ Vi phạm quy định về trách nhiệm tái chế, thu gom, xử lý chất thải của tổ chức, cá nhân sản xuất, nhập khẩu;
- ▶ Vi phạm các quy định về giảm nhẹ phát thải khí nhà kính; vi phạm các quy định về bảo vệ tầng ô-dôn;
- ▶ Vi phạm các quy định về quản lý, bảo vệ môi trường di sản thiên nhiên; Vi phạm quy định về chi trả dịch vụ hệ sinh thái tự nhiên;
- ▶ Các hành vi mới quy định tại các Điều này được căn cứ theo quy định tại Luật Bảo vệ môi trường và Nghị định, Thông tư hướng dẫn quy định chi tiết.

Quy định chuyển tiếp

► Quy định chuyển tiếp:

► 1. Các hành vi vi phạm hành chính về bảo vệ môi trường xảy ra trước ngày Nghị định này có hiệu lực mà bị phát hiện hoặc xem xét ra quyết định xử phạt khi Nghị định này đã có hiệu lực thì xử phạt theo Nghị định số 155/2016/NĐ-CP; Nghị định số 55/2021/NĐ-CP, trừ trường hợp Nghị định này không quy định trách nhiệm pháp lý hoặc quy định trách nhiệm pháp lý nhẹ hơn đối với hành vi xảy ra thì áp dụng Nghị định này.

► 2. Quyết định và báo cáo đánh giá tác động môi trường đã được phê duyệt theo quy định của pháp luật là văn bản tương đương với quyết định phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường khi xem xét, xác định hành vi vi phạm theo quy định tại Nghị định này.

Quy định chuyển tiếp

- ▶ 3. Giấy phép môi trường thành phần đã được cấp theo quy định của pháp luật là văn bản tương đương với giấy phép môi trường khi xem xét, xác định hành vi vi phạm theo quy định tại Nghị định này.
- ▶ 4. Kế hoạch bảo vệ môi trường được xác nhận theo quy định của pháp luật là văn bản tương đương khi xem xét, xác định hành vi vi phạm theo quy định tại Nghị định này:
 - ▶ a) GPMT thuộc thẩm quyền cấp của UBND cấp tỉnh trong trường hợp KHMT thuộc thẩm quyền của CQCM về BVMT cấp tỉnh;
 - ▶ b) GPMT thuộc thẩm quyền cấp của UBND cấp huyện trong trường hợp KHMT thuộc thẩm quyền của CQCM về BVMT cấp huyện;

PHẦN III: Thảo luận

TRÂN TRỌNG CẢM ƠN!

TĂNG TRƯỞNG
KINH TẾ



ĐẦU TƯ XÃ HỘI



BẢO VỆ
MÔI TRƯỜNG

